

TỈNH ỦY HÀ TĨNH  
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

\*

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC  
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ K177 (HUYỆN THẠCH HÀ)

| TT | Họ và tên       |        | Số BD | Điểm                      |          | Ghi chú |
|----|-----------------|--------|-------|---------------------------|----------|---------|
|    |                 |        |       | Bảng số                   | Bảng chữ |         |
| 1  | Phạm Đức        | Ánh    | 01    | 7,5                       | Bảy rưỡi |         |
| 2  | Nguyễn Công     | Bảo    | 02    | 6,5                       | Sáu rưỡi |         |
| 3  | Lê Hữu          | Cánh   | 03    | 7,0                       | Bảy chẵn |         |
| 4  | Đặng Quốc       | Chiến  | 04    | 6,5                       | Sáu rưỡi |         |
| 5  | Ngụy Thị        | Chương | 05    | 8,0                       | Tám chẵn |         |
| 6  | Lê Trung        | Cương  | 06    | 7,5                       | Bảy rưỡi |         |
| 7  | Phạm Ngọc       | Cường  | 07    | 7,0                       | Bảy chẵn |         |
| 8  | Nguyễn Thị      | Đại    | 08    | 8,0                       | Tám chẵn |         |
| 9  | Nguyễn Thị      | Dần    | 09    | 7,5                       | Bảy rưỡi |         |
| 10 | Trần Văn        | Định   | 10    | 7,5                       | Bảy rưỡi |         |
| 11 | Cao Thành       | Đồng   | 11    | 7,5                       | Bảy rưỡi |         |
| 12 | Phạm Đăng       | Đức    | 12    | 7,5                       | Bảy rưỡi |         |
| 13 | Bùi Thị         | Hà     | 13    | 7,0                       | Bảy chẵn |         |
| 14 | Nguyễn Thị Việt | Hà     | 14    | 7,5                       | Bảy rưỡi |         |
| 15 | Nguyễn Thị      | Hải    | 15    | 7,5                       | Bảy rưỡi |         |
| 16 | Trần Thanh      | Hải    | 16    | 8,0                       | Tám chẵn |         |
| 17 | Đặng Thị        | Hải    | 17    | 7,5                       | Bảy rưỡi |         |
| 18 | Hồ Thị Thúy     | Hằng   | 18    | Không đủ điều kiện dự thi |          |         |
| 19 | Phạm Thị        | Hằng   | 19    | 7,0                       | Bảy chẵn |         |
| 20 | Trần Thị        | Hạnh   | 20    | 7,0                       | Bảy chẵn |         |
| 21 | Nguyễn Anh      | Hào    | 21    | 7,0                       | Bảy chẵn |         |
| 22 | Lê Thị          | Hào    | 22    | 7,0                       | Bảy chẵn |         |
| 23 | Lê Thị Thu      | Hiền   | 23    | 6,5                       | Sáu rưỡi |         |
| 24 | Hồ Thị          | Hiền   | 24    | 7,0                       | Bảy chẵn |         |
| 25 | Nguyễn Thị Thu  | Hiền   | 25    | 7,5                       | Bảy rưỡi |         |
| 26 | Nguyễn Thị      | Hiếu   | 26    | 7,5                       | Bảy rưỡi |         |
| 27 | Đinh Thị Xuân   | Hoa    | 27    | 7,0                       | Bảy chẵn |         |



| TT | Họ và tên       |        | Số BD | Điểm                      |                  | Ghi chú |
|----|-----------------|--------|-------|---------------------------|------------------|---------|
|    |                 |        |       | Bảng số                   | Bảng chữ         |         |
| 28 | Lê Thị Quỳnh    | Hoa    | 28    | 7,0                       | Bảy chẵn         |         |
| 29 | Phan Văn        | Hòa    | 29    | 8,0                       | Tám chẵn         |         |
| 30 | Nguyễn Bá       | Hoàn   | 30    | 8,0                       | Tám chẵn         |         |
| 31 | Phạm Huy        | Hoàng  | 31    | 7,25                      | Bảy phẩy hai lăm |         |
| 32 | Nguyễn Thị      | Hương  | 32    | 7,5                       | Bảy rưỡi         |         |
| 33 | Thái Thị        | Huyền  | 33    | 6,5                       | Sáu rưỡi         |         |
| 34 | Nguyễn Thị      | Huyền  | 34    | 6,5                       | Sáu rưỡi         |         |
| 35 | Phan Thị Hoa    | Lê     | 35    | 7,0                       | Bảy chẵn         |         |
| 36 | Nguyễn Thị      | Liệu   | 36    | 7,5                       | Bảy rưỡi         |         |
| 37 | Võ Thị          | Linh   | 37    | 7,5                       | Bảy rưỡi         |         |
| 38 | Nguyễn Thị      | Loan   | 38    | 7,5                       | Bảy rưỡi         |         |
| 39 | Trần Y          | Lợi    | 39    | 7,5                       | Bảy rưỡi         |         |
| 40 | Trương Thị Cẩm  | Ly     | 40    | 7,5                       | Bảy rưỡi         |         |
| 41 | Cao Khắc        | Mai    | 41    | 6,5                       | Sáu rưỡi         |         |
| 42 | Lê Văn          | Mạnh   | 42    | 8,5                       | Tám rưỡi         |         |
| 43 | Trần Thị Thương | Mến    | 43    | 6,5                       | Sáu rưỡi         |         |
| 44 | Nguyễn Thị      | Nga    | 44    | 7,0                       | Bảy chẵn         |         |
| 45 | Nguyễn Thị Thúy | Nga    | 45    | 8,0                       | Tám chẵn         |         |
| 46 | Vương Khả       | Nghĩa  | 46    | Không đủ điều kiện dự thi |                  |         |
| 47 | Nguyễn Văn      | Ngọc   | 47    | 8,0                       | Tám chẵn         |         |
| 48 | Trần Thị        | Nhàn   | 48    | 7,5                       | Bảy rưỡi         |         |
| 49 | Lê Cẩm          | Nhung  | 49    | 7,5                       | Bảy rưỡi         |         |
| 50 | Lê Thị Kiều     | Oanh   | 50    | 8,0                       | Tám chẵn         |         |
| 51 | Đặng Hữu        | Phong  | 51    | 8,5                       | Tám rưỡi         |         |
| 52 | Nguyễn Đình     | Phúc   | 52    | Không đủ điều kiện dự thi |                  |         |
| 53 | Trần Hoài       | Phương | 53    | 7,0                       | Bảy chẵn         |         |
| 54 | Phạm Thị        | Phương | 54    | 6,5                       | Sáu rưỡi         |         |
| 55 | Nguyễn Huy      | Quân   | 55    | 7,0                       | Bảy chẵn         |         |
| 56 | Trần Văn        | Quang  | 56    | 7,0                       | Bảy chẵn         |         |
| 57 | Lê Thị Mai      | Sương  | 57    | 6,5                       | Sáu rưỡi         |         |
| 58 | Nguyễn Phi      | Sỹ     | 58    | 7,5                       | Bảy rưỡi         |         |
| 59 | Đậu Thị         | Thắm   | 59    | 7,5                       | Bảy rưỡi         |         |
| 60 | Bùi Tất         | Thành  | 60    | 8,0                       | Tám chẵn         |         |

| TT | Họ và tên       |        | Số BD | Điểm                      |          | Ghi chú |
|----|-----------------|--------|-------|---------------------------|----------|---------|
|    |                 |        |       | Bằng số                   | Bằng chữ |         |
| 61 | Trần Thị        | Thảo   | 61    | 7,5                       | Bảy rưỡi |         |
| 62 | Nguyễn Trung    | Thiết  | 62    | Không đủ điều kiện dự thi |          |         |
| 63 | Trần Thị        | Thom   | 63    | 7,5                       | Bảy rưỡi |         |
| 64 | Hồ Thị          | Thom   | 64    | 7,5                       | Bảy rưỡi |         |
| 65 | Nguyễn Thị      | Thương | 65    | 8,5                       | Tám rưỡi |         |
| 66 | Nguyễn Thị      | Thúy   | 66    | 7,5                       | Bảy rưỡi |         |
| 67 | Nguyễn Thị Bích | Thủy   | 67    | 7,5                       | Bảy rưỡi |         |
| 68 | Trần Thị        | Thủy   | 68    | 7,5                       | Bảy rưỡi |         |
| 69 | Trần Thị Thu    | Trang  | 69    | 7,5                       | Bảy rưỡi |         |
| 70 | Phạm Thị        | Trang  | 70    | 8,0                       | Tám chẵn |         |
| 71 | Nguyễn Thị Châu | Trang  | 71    | Vắng thi                  |          |         |
| 72 | Phạm Thị Ánh    | Tuyết  | 72    | Không đủ điều kiện dự thi |          |         |
| 73 | Trần Văn        | Ước    | 73    | 6,5                       | Sáu rưỡi |         |
| 74 | Trần Thị        | Việt   | 74    | 7,0                       | Bảy chẵn |         |
| 75 | Nguyễn Văn      | Việt   | 75    | 6,5                       | Sáu rưỡi |         |
| 76 | Phạm Thị        | Vinh   | 76    | 7,0                       | Bảy chẵn |         |
| 77 | Nguyễn Thị      | Xuân   | 77    | 7,0                       | Bảy chẵn |         |

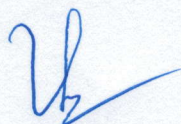
Danh sách này gồm: 77 học viên

Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 7 năm 2022

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Thị Thủy



Nguyễn Thị Mỹ Hạnh



Nguyễn Trọng Tứ